BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo:	**Quản trị nhân lực doanh nghiệp (Chương trình chất lượng cao) Corporate Human Resource Management (High quality program)**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Quản trị nhân lực**
Mã ngành:	**7340404**
Chuyên ngành đào tạo:	**Quản trị nhân lực doanh nghiệp**
Ngôn ngữ đào tạo:	**Tiếng Việt và Tiếng Anh**

(Ban hành theo Quyết định số 104.../QĐ-ĐHTM ngày 21./01./2022.....
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật về kinh tế-xã hội, những kiến thức cơ bản về quản trị - quản lý; kiến thức chuyên môn toàn diện về quản trị nhân lực; kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và hiện đại về quản trị nhân lực doanh nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng thực nghiệp và sử dụng tiếng Anh để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp thích ứng với môi trường đa văn hoá, biến đổi không ngừng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể: Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp (chương trình chất lượng cao), đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT có năng lực sau đây:

(PO1): *Có khả năng phân tích được kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực quản trị nhân lực:* Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, quản trị - quản lý nhằm hỗ trợ tìm hiểu, giải quyết những vấn đề liên quan; Kiến thức toàn diện, chuyên sâu ngành quản trị nhân lực, chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp, quản trị nhân lực trong tổ chức đặc thù gắn với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

(PO2): *Sử dụng được kỹ năng thực nghiệp trong lĩnh vực quản trị nhân lực doanh nghiệp* bao gồm kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá tác nghiệp: tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; kỹ năng phát triển quan hệ lao động. Đồng thời thuần thục kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định của Nhà trường.

(PO3): *Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm* trong lĩnh vực chuyên môn về quản trị nhân lực; Có đạo đức nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong công việc. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong hướng dẫn, phổ biến kiến thức, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; và *có sức khỏe để làm việc.*

2. Yêu cầu về kiến thức

(PLO1): *Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật, khoa học xã hội nhân văn và toán học* (Kiến thức về pháp luật đại cương và pháp luật lao động; Kiến thức về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong từng giai đoạn; Kiến thức căn bản về các mô hình toán kinh tế) để giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO2): *Vận dụng được nguyên lý cơ bản cơ sở ngành* (bao gồm: kinh tế học, quản trị học, quản trị nhân lực, tâm lý học lao động, môi trường kinh tế và thị trường việc làm, khởi sự kinh doanh, truyền thông nội bộ) vào giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO3): *Phân tích được các kiến thức ngành quản trị nhân lực* (bao gồm Quản lý nguồn nhân lực xã hội; Kinh tế nguồn nhân lực; An sinh xã hội; Quan hệ lao động; Hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực) vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO4): *Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp* (bao gồm: Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Tổ chức và định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Trả công lao động; An toàn, vệ sinh lao động; Quản trị nhân lực công; Quản trị nhân lực quốc tế; Quản trị thời gian; Quản trị hành chính văn phòng) vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp

3. Yêu cầu về kỹ năng

(PLO5): *Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức* tâm lý học lao động, môi trường kinh tế và thị trường việc làm, truyền thông nội bộ, quản lý nguồn nhân lực xã hội, kinh tế nguồn nhân lực, an sinh xã hội để phân tích môi trường quản trị nhân lực

bên trong và môi trường bên ngoài, dự báo cung cầu nguồn nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO6): *Thử nghiệm được kỹ năng hoạch định nguồn nhân lực (chiến lược nguồn nhân lực, chính sách nhân lực) và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh* để định hướng chuyên môn về quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO7): *Tổ chức được kỹ năng tác nghiệp quản trị nhân lực* (phân tích, lập kế hoạch, triển khai, đánh giá công tác: tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; thiết lập, duy trì, phát triển quan hệ lao động và phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động; quản trị thời gian; quản trị hành chính văn phòng, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng báo cáo) để giải quyết vấn đề phức tạp và dẫn dắt chuyên môn về quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO8): *Thực hiện được các kỹ năng hỗ trợ* (kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm) để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

4. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO9): *Có khả năng tự chủ và làm việc độc lập, sáng tạo* để xây dựng, thực hiện nhiệm vụ trong giải quyết vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực.

(PLO10): *Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ* chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội; Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực.

5. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO11): *Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp và vận dụng được vào hoạt động chuyên môn quản trị nhân lực.* Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): *Có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học quản lý.* Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 của Trường Đại học Thương mại. Đồng thời vận dụng được kiến thức khai thác dữ liệu trên mạng internet, phần mềm quản trị nhân lực.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

a. Các vị trí làm việc phù hợp sau tốt nghiệp của sinh viên

- Chuyên viên, tư vấn viên về quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp;

- Lãnh đạo, nhà quản trị ở các bộ phận về quản trị nhân lực và có liên quan ở các cấp thuộc mọi thành phần kinh tế trong các ngành, lĩnh vực; các cơ quan quản lý, các tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau;

- Giảng viên, nghiên cứu viên về quản trị nhân lực ở các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu.

b. Các tổ chức, doanh nghiệp có cơ hội làm việc làm việc phù hợp

- Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, sản xuất thuộc sở hữu nhà nước, tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài; các công ty có quy mô lớn; các công ty đa quốc gia;

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ triển khai về quản trị nhân lực; các tổ chức phi chính phủ;

- Cơ quan quản lý nhà nước về lao động các cấp (phòng Lao động Thương binh và Xã hội; phòng Nội vụ; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Nội vụ; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Nội vụ; Bộ phận phụ trách công tác Lao động ở các tổ chức, cơ quan);

- Các Bộ; Tổng cục; Cục; Ủy ban nhân dân các cấp;

- Các tổ chức công; Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể;

- Các cơ sở đào tạo cao đẳng, các trường đại học, học viện;

- Các viện nghiên cứu về quản trị nhân lực; Viện nghiên cứu có bộ phận nghiên cứu về quản trị nhân lực.

8. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ thạc sỹ, tiến sỹ trong và ngoài nước cùng ngành hoặc ngành gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với quy định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động để phát triển thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.

9. Các chương trình, chuẩn đầu ra quốc tế đã tham khảo

9.1. Trong nước

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ Quốc gia;

- Chương trình đào tạo chất lượng cao cử nhân quản trị nhân lực, Trường Đại học Kinh tế quốc dân (http://www.aep.neu.edu.vn/web/vn/c76/p74/Dao-tao/Chuong-trinh-Chat-luong-cao/index.aspx)

- Chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao cử nhân Quản trị Nhân lực và Nhân tài của Đại học Quốc gia Hà Nội (https://hsb.edu.vn/cu-nhan-quan-tri-nhan-luc-va-nhan-tai-hat.html)

- Chương trình đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành quản trị nhân lực, Đại học Tôn Đức Thắng (https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/quan-tri-kinh-doanh-chuyen-nganh-quan-tri-nguon-nhan-luc-f7340101)

9.2. Ngoài nước

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường đại học Nam Úc (Unviersity of South Australia) (https://study.unisa.edu.au/degrees/bachelor-of-business-human-resource-management)

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường đại học RMIT (https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-human-resource-management#overview)

- Chương trình đào tạo cử nhân quản trị nhân lực - Trường đại học Leeds, Vương quốc Anh (https://courses.leeds.ac.uk/396/human-resource-management-ba#section2)

HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
PGS, TS Nguyễn Hoàng	**PGS,TS Nguyễn Thị Minh Nhàn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo ...09...104...../QĐ-ĐHTM ngày ...21.... tháng ..01.... năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	**Quản trị nhân lực doanh nghiệp** **(Chương trình chất lượng cao)** **Corporate Human Resource Management** **(High quality program)**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Quản trị nhân lực**
Mã ngành:	**7340404**
Chuyên ngành đào tạo:	**Quản trị nhân lực doanh nghiệp**
Ngôn ngữ đào tạo:	**Tiếng Việt và Tiếng Anh**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; nắm vững nguyên lý, quy luật về kinh tế-xã hội, những kiến thức cơ bản về quản trị - quản lý; kiến thức chuyên môn toàn diện về quản trị nhân lực; kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và hiện đại về quản trị nhân lực doanh nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, có khả năng thực nghiệp và sử dụng tiếng Anh để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức, doanh nghiệp thích ứng với môi trường đa văn hoá, biến đổi không ngừng, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

- Mục tiêu cụ thể: Đào tạo cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp (chương trình chất lượng cao), đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT có năng lực sau đây:

(PO1): *Có khả năng phân tích được kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực quản trị nhân lực:* Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, quản trị - quản lý nhằm hỗ trợ tìm hiểu, giải quyết những vấn đề liên quan; Kiến thức toàn diện, chuyên sâu ngành quản trị nhân lực, chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp, quản trị nhân lực trong tổ chức đặc thù gắn với môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

(PO2): *Sử dụng được kỹ năng thực nghiệp trong lĩnh vực quản trị nhân lực doanh nghiệp* bao gồm kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá tác nghiệp:

tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; kỹ năng phát triển quan hệ lao động. Đồng thời thuần thục kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Đạt chuẩn tiếng Anh theo quy định của Nhà trường.

(PO3): *Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm* trong lĩnh vực chuyên môn về quản trị nhân lực; Có đạo đức nghề nghiệp; Tôn trọng và chấp hành pháp luật; Ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác trong công việc. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong hướng dẫn, phổ biến kiến thức, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; và *có sức khỏe để làm việc.*

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Cử nhân Quản trị nhân lực doanh nghiệp (chương trình chất lượng cao) có các khả năng:

2.1. Kiến thức

(PLO1): *Áp dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật, khoa học xã hội nhân văn và toán học* (Kiến thức về pháp luật đại cương và pháp luật lao động; Kiến thức về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong từng giai đoạn; Kiến thức căn bản về các mô hình toán kinh tế) để giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO2): *Vận dụng được nguyên lý cơ bản cơ sở ngành* (bao gồm: kinh tế học, quản trị học, quản trị nhân lực, tâm lý học lao động, môi trường kinh tế và thị trường việc làm, khởi sự kinh doanh, truyền thông nội bộ) vào giải quyết các vấn đề trong quản trị nhân lực.

(PLO3): *Phân tích được các kiến thức ngành quản trị nhân lực* (bao gồm Quản lý nguồn nhân lực xã hội; Kinh tế nguồn nhân lực; An sinh xã hội; Quan hệ lao động; Hoạch định chiến lược, chính sách nguồn nhân lực) vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO4): *Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và hiện đại chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp* (bao gồm: Tuyển dụng nhân lực; Đào tạo và phát triển nhân lực; Tổ chức và định mức lao động; Đánh giá thực hiện công việc; Trả công lao động; An toàn, vệ sinh lao động; Quản trị nhân lực công; Quản trị nhân lực quốc tế; Quản trị thời gian; Quản trị hành chính văn phòng) vào thực tiễn quản trị nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp

2.2. Kỹ năng

(PLO5): *Thực hành được kỹ năng áp dụng kiến thức* tâm lý học lao động, môi trường kinh tế và thị trường việc làm, truyền thông nội bộ, quản lý nguồn nhân lực xã

hội, kinh tế nguồn nhân lực, an sinh xã hội để phân tích môi trường quản trị nhân lực bên trong và môi trường bên ngoài, dự báo cung cầu nguồn nhân lực của tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO6): *Thử nghiệm được kỹ năng hoạch định nguồn nhân lực (chiến lược nguồn nhân lực, chính sách nhân lực) và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh* để định hướng chuyên môn về quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO7): *Tổ chức được kỹ năng tác nghiệp quản trị nhân lực* (phân tích, lập kế hoạch, triển khai, đánh giá công tác: tuyển dụng nhân lực; đào tạo và phát triển nhân lực; tổ chức và định mức lao động; đánh giá thực hiện công việc; an toàn, vệ sinh lao động; trả công lao động; thiết lập, duy trì, phát triển quan hệ lao động và phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động; quản trị thời gian; quản trị hành chính văn phòng, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng báo cáo) để giải quyết vấn đề phức tạp và dẫn dắt chuyên môn về quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

(PLO8): *Thực hiện được các kỹ năng hỗ trợ* (kỹ năng giao tiếp, phản biện, phân tích, tổng hợp, ra quyết định, làm việc nhóm) để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO9): *Có khả năng tự chủ và làm việc độc lập, sáng tạo* để xây dựng, thực hiện nhiệm vụ trong giải quyết vấn đề thực tiễn quản trị nhân lực.

(PLO10): *Có trách nhiệm với việc thực hiện nhiệm vụ* chuyên môn, với tổ chức tham gia, với cộng đồng xã hội; Vận dụng đúng pháp luật trong quản trị nhân lực.

2.4. Ngoại ngữ và tin học

(PLO11): *Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp và vận dụng được vào hoạt động chuyên môn quản trị nhân lực.* Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành kèm theo Quyết định 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường Đại học Thương mại.

(PLO12): *Có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học quản lý.* Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-ĐHTM ngày 26/9/2017 và được bổ sung, sửa đổi theo Quyết định số 1436/QĐ-ĐHTM ngày 4/12/2020 của Trường Đại học Thương mại. Đồng thời vận dụng được kiến thức khai thác dữ liệu trên mạng internet, phần mềm quản trị nhân lực.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa *(tính bằng tín chỉ):* 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;
- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;
- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang http://dangky.tmu.edu.vn để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;
- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;
- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;
- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;
- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);
- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức/ học phần	Ngôn ngữ giảng dạy	Số TC	Cấu trúc
1	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**57**	
1.1	**Giáo dục đại cương**		**46**	
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***		***44***	
1	Triết học Mác Lê nin *Phylosophy of Maxism-Leninism*	Tiếng Việt	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học *Scientific socialism*	Tiếng Việt	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh *Ho Chi Minh Ideology*	Tiếng Việt	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác Lê nin *Political enonomics of Maxism-Leninism*	Tiếng Việt	2	24,12
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam *History of Vietnamese Communist Party*	Tiếng Việt	2	24,12
6	Pháp luật đại cương *Introduction to Laws*	Tiếng Việt	2	24,12
7	Phương pháp nghiên cứu khoa học *Scientific Research Methodology*	Tiếng Việt	2	24,12

8	Tin học quản lý *Informatics of Management*	Tiếng Việt	3	36,18
9	Basic IELTS 1	Tiếng Anh	5	60,30
10	Basic IELTS 2	Tiếng Anh	5	60,30
11	Expanding IELTS 1	Tiếng Anh	4	48,24
12	Expanding IELTS 2	Tiếng Anh	4	48,24
13	Developing IELTS 1	Tiếng Anh	4	48,24
14	Developing IELTS 2	Tiếng Anh	4	48,24
1.1.2	***Các học phần tự chọn***		***2***	
	Chọn 2 TC trong các HP sau:			
1	Tâm lý học lao động *Labour psychology*	Tiếng Việt	2	24,12
2	Xã hội học đại cương *General Sociology*	Tiếng Việt	2	24,12
1.2	**Giáo dục thể chất**		**3**	
1.2.1	***Các học phần bắt buộc***			
1	Giáo dục thể chất chung *Physical Education*	Tiếng Việt	1	12,36
1.2.2	***Các học phần tự chọn***		***2***	
	Chọn 2 TC trong các HP sau:			
	Bóng ném *Handball*	Tiếng Việt	1	12,36
	Bóng chuyền *Volleyball*	Tiếng Việt	1	12,36
	Cầu lông *Badminton*	Tiếng Việt	1	12,36
	Bóng bàn *Table tennis*	Tiếng Việt	1	12,36
	Cờ vua *Chess*	Tiếng Việt	1	12,36
	Bóng rổ *Basketball*	Tiếng Việt	1	12,36
1.3	**Giáo dục quốc phòng – an ninh**		**8**	
2	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN**		**74**	

	NGHIỆP			
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**17**	
2.1.1	***Các học phần bắt buộc***		***9***	
1	Quản trị học *Fundamentals of management*	Tiếng Anh	3	36,18
2	Môi trường kinh tế và thị trường việc làm *Economic environment and labour market*	Tiếng Anh	3	36,18
3	Nguyên lý quản trị nhân lực *Principles of Human resource management*	Tiếng Anh	3	36,18
2.1.2	***Các học phần tự chọn***		***8***	
	Chọn 8 TC trong các HP sau:			
1	Quản lý nguồn nhân lực xã hội *Social Human Resources Management*	Tiếng Việt	2	24,12
2	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet *Data mining on the Internet*	Tiếng Việt	2	24,12
3	Kinh tế học *Economics*	Tiếng Anh	3	36,18
4	Khởi sự kinh doanh *Entrepreneurship*	Tiếng Anh	3	36,18
5	Hành vi tổ chức *Orgnizational behavior*	Tiếng Việt	3	36,18
6	Các mô hình toán kinh tế *Models of mathematical economics*	Tiếng Việt	3	36,18
2.2	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**		**47**	
2.2.1	***Các học phần bắt buộc***		***30***	
1	Luật lao động *Labour law*	Tiếng Việt	2	24,12
2	Quan hệ lao động BCTT *Industrial Relations*	Tiếng Việt	3	34,12,5
3	Kinh tế nguồn nhân lực *Human resource economics*	Tiếng Anh	3	36,18
4	Tuyển dụng nhân lực *Recruitment and Selection human resources*	Tiếng Anh	3	36,18
5	Trả công lao động	Tiếng Anh	3	36,18

	Labour compensation			
6	Đào tạo và phát triển nhân lực *Training and development human resources*	Tiếng Anh	3	36,18
7	Truyền thông nội bộ *Internal communication*	Tiếng Anh	2	24,12
8	Quản trị chiến lược và kinh tế tri thức *Strategic management and knowledge management*	Tiếng Anh	3	36,18
9	Hoạch định nguồn nhân lực *Human resources planning*	Tiếng Việt	3	36,18
10	Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp BCTT *The labour norm and organization in the business*	Tiếng Việt	3	34,12,5
11	Thực tập nghề nghiệp *Intership*	Tiếng Việt	2	0,60
2.2.2	***Các học phần tự chọn***		***17***	
	Chọn 17 TC trong số các HP sau:			
1	Quản trị nhân lực quốc tế *International human resource management*	Tiếng Việt	2	24,12
2	Quản trị nhân lực công *Human resource management in the public sector*	Tiếng Việt	2	24,12
3	Quản trị hành chính văn phòng *Office management*	Tiếng Việt	2	24,12
4	Quản trị thời gian *Time management*	Tiếng Việt	2	24,12
5	Đánh giá thực hiện công việc *Performance appraisal*	Tiếng Việt	2	24,12
6	An toàn và vệ sinh lao động *Occupational Health – Safety*	Tiếng Việt	2	24,12
7	Quản trị công ty *Corporate governance*	Tiếng Anh	3	36,18
8	An sinh xã hội *Social security*	Tiếng Việt	3	36,18

9	Thương mại điện tử căn bản *Fundamentals of Electronic commerce*	Tiếng Việt	3	36,18
10	Quản trị đa văn hóa *Cross cultural management*	Tiếng Việt	3	36,18
11	Quản trị tài chính 1 *Financial management 1*	Tiếng Việt	3	36,18
2.3	**Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học**		**10**	
1	Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm *Intership project report*	Tiếng Việt	3	0,90
2	Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp *Graduation Thesis*	Tiếng Việt	7	0,210
	Tổng cộng		**131**	

** Trong chương trình học, người học bắt buộc phải thực hiện 1 đề tài NCKH*

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh). Trong 120TC học tập và tốt nghiệp có 83 TC bắt buộc (trong đó có 26 TC IELTS và 26 TC khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp giảng dạy bằng tiếng Anh) và 27 TC tự chọn.

7.2. Mô tả các học phần

7.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương (57 TC)

a. ***Các học phần bắt buộc (44 TC)***

Triết học Mác – Lê nin (3 TC)

Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)

Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 TC)

Học phần nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 TC)

Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

Pháp luật đại cương (2 TC)

Là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của sinh viên, thuộc khối kiến thức đại cương dành cho các chuyên ngành đào tạo. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu

thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

Tin học quản lý (3 TC)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,….Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

Basic IELTS 1 (5 TC)

Học phần "Basic IELTS 1" được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên hệ chất lượng cao năm thứ nhất đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ IELTS OVERALL BAND SCORE 4. Cụ thể, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức và khối lượng lớn bài tập để luyện tập các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và cách làm bài thi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế IELTS thông qua các bài học và bài kiểm tra. Đồng thời học phần giúp sinh viên phát triển khả năng tự học, tự ôn luyện các kỹ năng và làm việc theo cặp, theo nhóm.

Basic IELTS 2 (5 TC)

Học phần *"Basic IELTS 2"* hướng tới mục tiêu giúp sinh viên đạt được trình độ năng lực cơ bản, đạt được thang điểm 4.5 (IELTS OVERALL BAND SCORE 4.5). Trong học phần, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và luyện tập các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và cách làm bài thi quốc tế thông qua các bài học và bài kiểm tra IELTS. Đồng thời học phần giúp sinh viên phát triển khả năng tự học và làm việc theo cặp, theo nhóm.

Expanding IELTS 1 (4 TC)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản giúp người học đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ trung cấp (IELTS OVERALL BAND SCORE 4.5). Cụ thể, học phần giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mang tính học thuật gồm nghe, nói, đọc viết nhằm chuẩn bị cho các thí sinh tham dự kỳ thi IELTS, đồng thời nâng cao vốn từ vựng của người học, cung cấp các chiến lược và phương pháp làm bài phù hợp với định hướng IELTS.

Expanding IELTS 2 (4 TC)

Học phần Expanding IELTS 2 được thiết kế nhằm giúp người học đạt được trình độ năng lực ngôn ngữ trung cấp (IELTS OVERALL BAND SCORE 5). Cụ thể, học phần giúp phát triển các kỹ năng ngôn ngữ mang tính học thuật gồm nghe, nói, đọc viết đặc biệt là kỹ năng nói và viết nhằm chuẩn bị cho các thí sinh tham dự kỳ thi IELTS, đồng thời nâng cao vốn từ vựng của người học, cung cấp các chiến lược và phương pháp làm bài phù hợp với định hướng IELTS.

Developing IELTS 1 (4 TC)

Học phần *Developing IELTS 1* dành cho các sinh viên đã đạt được IELTS band 5.0 hoặc hoàn thành bậc 3 khung tham chiếu châu Âu (B1). Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, trang bị và củng cố từ vựng, giới thiệu và cung cấp cơ hội rèn luyện các hiện tượng ngữ pháp theo định hướng IELTS. Nội dung học phần xoay quanh 3 cụm chủ điểm phổ biến trong IELTS gồm culture (văn hóa), food (ẩm thực) và communication (giao tiếp).

Developing IELTS 2 (4 TC)

Học phần *Developing IELTS 2* tiếp nối *Developing IELTS 1*, dành cho các sinh viên đã đạt được IELTS band 5.0 hoặc hoàn thành bậc 3 khung tham chiếu châu Âu (B1). Học phần giúp người học phát triển toàn diện 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm nghe – nói – đọc – viết, mở rộng vốn từ vựng, phát triển nền tảng ngữ pháp theo định hướng IELTS. Nội dung học phần xoay quanh 3 cụm chủ điểm phổ biến trong IELTS gồm media (truyền thông), enviroment (môi trường), money (chi tiêu).

b. Các học phần tự chọn (2 TC) lựa chọn trong các học phần sau:

Tâm lý học lao động (2 TC)

Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan về tâm lý học lao động; cơ sở tâm lý của tổ chức quá trình lao động và quản trị nhóm; tâm lý học an toàn lao động; giao tiếp và nghệ thuật đàm phán nhân sự; đặc điểm tâm lý của lao động quản lý và các kích thích tâm lý người lao động. Học phần có mối quan hệ với các học phần trả công lao động, quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Xã hội học đại cương (2 TC)

Học phần Xã hội học đại cương được kết cấu thành 7 chương trong đó, chương 1 giới thiệu đối tượng, cơ cấu, chức năng và sơ lược lịch sử và các lý thuyết xã hội học. Chương 2 của học phần đề cập đến phương pháp nghiên cứu xã hội học. Các chương còn lại của học phần tập trung vào các chủ đề cơ bản của xã hội học theo logic từ hành động xã hội đến nhóm cơ cấu, tổ chức và thiết chế xã hội; từ văn hóa, xã hội hóa đến sai lệch và kiểm soát xã hội; từ bất bình đẳng, phân tầng, di động xã hội đến biến đổi xã hội và toàn cầu hóa.

c. Giáo dục thể chất (3 TC)

Học phần bắt buộc (1 TC)

GDTC1611- Giáo dục thể chất chung

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương,kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện thể dục thể thao, phương pháp rèn luyện thể chất.

Các học phần tự chọn (2 TC) lựa chọn trong các học phần sau:

GDTC 0721- Bóng ném (1 TC)

Học phần cụng cấp những hiểu biết cơ bản nhất về môn Bóng ném và thực hành các kỹ thuật cơ bản của Bóng ném.

GDTC0621- Bóng chuyền (1 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kĩ thuật di chuyển.

GDTC 0521- Cầu lông (1 TC)

Học phần giới thiệu một số kiến thức về lịch sử ra đời, luật thi đấu, yếu lĩnh kỹ thuật và các động tác cơ bản nhất của Cầu lông.

GDTC1621- Bóng bàn (1 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng chuyền và 03 kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền là: Chuyền bóng cao tay, chuyền bóng thấp tay và kĩ thuật di chuyển.

GDTC 1721- Cờ vua (1 TC)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu môn cờ vua.

GDTC 1821- Bóng rổ (1 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất của môn Bóng rổ: Chuyền và bắt bóng bằng hai tay trước ngực, kĩ thuật dẫn bóng, kỹ thuật dẫn bóng lên rổ một tay trên cao, ném phạt.

d. Giáo dục quốc phòng (8 TC)

Chương trình giáo dục quốc phòng gồm 4 học phần bao gồm: Học phần I: Đường lối quốc phòng va an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh; Học phần III: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; Học phần IV: Hiểu biết chung về quân, binh chủng. Chương trình giúp người học có có những hiểu biết ban đầu về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Về truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; Có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Ngoài ra còn giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; Bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

*7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp **(74 TC)***

7.2.2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành (17 TC)

a. Các học phần bắt buộc (9 TC)

Fundamentals of management/Quản trị học (3TC)

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm: chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

Economic environment and labour market/Môi trường kinh tế và thị trường việc làm (3 TC)

Học phần giúp tìm hiểu sâu về thị trường việc làm để hiểu rõ hơn về vấn đề này . Cụ thể là học phần giúp người học có khả năng phân định phạm vi của một thị trường và biết các đặc tính của thị trường lao động; Có khả năng phân tích chi tiết về môi trường cạnh tranh gắn liền với một thị trường, từ đó hiểu và dự đoán các hoạt động và xu hướng phát triển của thị trường này ; Xác định vị trí của bản thân, củng cố dự án

việc làm; Hiểu thị trường việc làm; Sử dụng các kỹ thuật tìm kiếm việc làm giúp việc thâm nhập thị trường việc làm hiệu quả hơn; Xin thực tập với mục tiêu làm việc sau đó.

Principles of Human resource management/ Nguyên lý Quản trị nhân lực (3TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm, vai trò, xu hướng phát triển của quản trị nhân lực; Các nội dung chính của quản trị nhân lực như tuyển dụng nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đãi ngộ nhân lực.

b. Các học phần tự chọn (8 TC)

Quản lý nguồn nhân lực xã hội (2 TC)

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản, cốt yếu về quản lý nguồn nhân lực xã hội. Học phần tập trung vào nội dung và công cụ quản lý nhà nước đối với nguồn nhân lực xã hội, cụ thể: tổng quan về quản lý nguồn nhân lực xã hội, chiến lược phát triển nguồn nhân lực xã hội, kế hoạch và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực xã hội, chính sách phát triển nguồn nhân lực xã hội, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực xã hội. Học phần có mối quan hệ với các học phần kinh tế nguồn nhân lực căn bản và quản trị nhân lực căn bản và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet (2 TC)

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về sử dụng các máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay để tìm kiếm, khai thác thông tin, dữ liệu bất kỳ trên Internet phục vụ nhiều mục đích khác nhau như: nghiên cứu khoa học, tìm hiểu thị trường, tìm kiếm thông tin phục vụ kinh doanh, tìm kiếm các bạn hàng, đối tác kinh doanh…

Economics/Kinh tế học (3TC)

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

Entrepreneurship/Khởi sự kinh doanh (3 TC)

Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh

doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

Hành vi tổ chức (3 TC)

Học phần hành vi tổ chức nghiên cứu hành vi của con người nói chung và hành vi người lao động của tổ chức nói riêng. Học phần tập trung giới thiệu ba khối kiến thức cơ bản về hành vi tổ chức. Một là, hiểu biết hành vi tổ chức ở góc độ hành vi cá nhân như tự quan niệm bản thân, học tập, giá trị, động viên, thái độ. Hai là hành vi tổ chức ở góc độ nhóm và quá trình xã hội hóa của người lao động. Ba là nghiên cứu hành vi ở cấp độ doanh nghiệp bao gồm thông tin trong DN, vai trò của lãnh đạo và văn hóa trong tổ chức và sự thay đổi cũng như quản trị sự thay đổi trong tổ chức.

Các mô hình toán kinh tế (3 TC)

Học phần trang bị cho sinh viên nội dung cơ bản nhất và có hệ thống về phương pháp mô hình Toán kinh tế và một số mô hình có nhiều ứng dụng trong kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh như mô hình cân bằng, mô hình tối ưu…

7.2.2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (47 TC)

a. Các học phần bắt buộc

Luật lao động (2 TC)

Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực lao động. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về khái niệm luật lao động, quan hệ lao động, các nguyên tắc cơ bản của luật lao động, quản lý nhà nước về lao động; hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể; các chế độ đối với người lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất; giải quyết tranh chấp và giải quyết đình công.

Quan hệ lao động BCTT (3 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần hàm chứa các nội dung: Những nguyên lý cơ bản về quan hệ lao động; Môi trường quan hệ lao động; Các chủ thể của quan hệ lao động; Cơ chế tương tác trong quan hệ lao động; Báo cáo thực tế về thực trạng quan hệ lao động ở Việt Nam; Các hình thức tương tác trong quan hệ lao động (trao đổi thông tin, tư vấn tham khảo, thương lượng).

Human resource economics/Kinh tế nguồn nhân lực (3TC)

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế nguồn nhân lực. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề về kinh tế nguồn nhân lực; Cung lao động; Cầu lao động; Cân bằng thị trường lao động; Năng suất lao động và nguồn tiềm năng nâng cao năng suất lao động, đầu tư cho vốn nhân lực và tiền lương, thu nhập, mức sống đối với

người lao động.... Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp (chương trình chất lượng cao).

Recruitment and Selection human resources/Tuyển dụng nhân lực (3 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung: Khái niệm và vai trò của tuyển dụng nhân lực; nội dung của tuyển dụng nhân lực; xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân lực; tuyển mộ nhân lực; tuyển chọn nhân lực; quyết định tuyển dụng và hội nhập nhân viên mới; đánh giá tuyển dụng nhân lực.

Labour compensation/Trả công lao động (3 TC)

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành cơ bản về trả công lao động trong doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, vai trò của trả công lao động, cơ cấu và các nguyên tắc trả công lao động; trả lương, phụ cấp lương và quản lý trả lương; trả thưởng; trả phúc lợi; Báo cáo thực tế về trả công lao động trong doanh nghiệp và các chính sách, chế độ tiền lương của Việt Nam. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Training and development human resources/Đào tạo và phát triển nhân lực (3TC)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp. Cụ thể, các nội dung chính của học phần bao gồm: tổng quan về đào tạo và phát triển nhân lực, xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực, triển khai đào tạo và phát triển nhân lực, đánh giá kết quả đào tạo và phát triển nhân lực, quản lý phát triển nghề nghiệp.

Internal communication/Truyền thông nội bộ (2 TC)

Học phần giúp cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về hoạt động truyền thông nội bộ trong tổ chức/doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần bao gồm: Hiểu các thách thức đặt ra trong truyền thông nội bộ; Xác định, hiểu và áp dụng các phương tiện hỗ trợ trong truyền thông nội bộ; Hiểu các cơ chế kiểm tra truyền thông nội bộ; Các phương thức tổ chức truyền thông trong tình huống "khủng hoảng"

Strategic management and knowledge management/Quản trị chiến lược và kinh tế tri thức (3 TC)

Học phần cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản liên quan đến phân tích chiến lược, phân biệt quản trị chiến lược, quản lý nghiệp vụ, quản lý dự án, kinh doanh, các lĩnh vực hoạt động chiến lược, mô hình phân tích danh mục vốn đầu tư (các ma trận BCG 1 & 2, ADL, Mc KINSEY), chuỗi giá trị, vòng đời, lực lượng cạnh tranh. Chẩn đoán và giám sát việc thực thi chiến lược (kế hoạch, hình thức và công cụ giám sát chiến lược), ma trận SWOT / PESTEL. Học phần cũng cung cấp kiến thức

về quy trình quản trị kinh tế tri thức (phương pháp nghiên cứu thông tin, bảo vệ di sản phi vật thể, hành động ảnh hưởng); thực hiện quy trình quản trị kinh tế tri thức và giám sát chiến lược.

Hoạch định nguồn nhân lực (3 TC)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạch định nguồn nhân lực, bao gồm: Khái niệm, vai trò, nguyên tắc, yêu cầu nội dung hoạch định nguồn nhân lực của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin nguồn nhân lực và kỹ thuật hoạch định nguồn nhân lực; Phân tích môi trường quản trị nguồn nhân lực; Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực; Thiết lập chiến lược nguồn nhân lực; Xây dựng chính sách và kế hoạch nguồn nhân lực của tổ chức, doanh nghiệp.

Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp BCTT (3 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Tổng quan về tổ chức và định mức lao động; Tổ chức lao động trong doanh nghiệp; Định mức lao động trong doanh nghiệp; Tổ chức và định mức đối với lao động quản lý; Tổ chức và định mức lao động sản xuất; Tổ chức và định mức lao động thương mại. Học phần có mối quan hệ với các học phần hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc và trả công lao động… Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Thực tập nghề nghiệp (2 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình cử nhân CLC. Nội dung học phần gồm các yêu cầu về việc tìm hiểu, trải nghiệm và tiếp thu, lĩnh hội các kiến thức thực tế và kỹ năng nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Quản trị nhân lực doanh nghiệp tại đơn vị thực tập. Thông qua trải nghiệm thực tế tại đơn vị thực tập, sinh viên hiểu rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp và các phẩm chất cần thiết phải tích lũy để đáp ứng nhu cầu xã hội.

b. Các học phần tự chọn (Chọn 17 TC)

Quản trị nhân lực quốc tế (2 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của nhân lực quốc tế và quản trị nhân lực quốc tế; tuyển dụng và đào tạo nhân lực quốc tế, thù lao và phúc lợi cho nhân lực trong các tổ chức, doanh nghiệp quốc tế; chuyển giao chính sách và quy trình quản trị nhân lực quốc tế.

Quản trị nhân lực công (2 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: Khái niệm, đặc điểm của quản trị nhân lực trong tổ chức công; Xác định vị trí việc làm và quy hoạch nhân lực trong tổ chức công; Thu hút và tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công; Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trong các tổ chức công; Đánh giá và thù lao nhân lực trong các tổ chức

công. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Quản trị hành chính văn phòng (2 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị nhân lực doanh nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung chính như: Giới thiệu về quản trị hành chính văn phòng; Tổ chức cuộc họp, hội nghị, hội thảo; Tổ chức tiếp khách; Tổ chức chuyến đi công tác; Tổ chức quản lý, giải quyết văn bản và tổ chức lưu trữ tài liệu.

Quản trị thời gian (2 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Lập kế hoạch thời gian; Đánh giá cách thức sử dụng thời gian; Phát hiện và khắc phục lãng phí thời gian; Ủy nhiệm ủy quyền; Cân bằng công việc và cuộc sống cá nhân.

Đánh giá thực hiện công việc (2 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: khái niệm, vai trò, vị trí của đánh giá thực hiện công việc; nội dung của đánh giá thực hiện công việc; thiết kế đánh giá thực hiện công việc; triển khai đánh giá thực hiện công việc và sử dụng kết quả đánh giá thực hiện công việc.

An toàn và vệ sinh lao động (2 TC)

Học phần bao gồm các nội dung chính như: An toàn lao động, các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, an toàn lao động đối với một số lĩnh vực có nguy cơ cao; vệ sinh lao động, nguyên nhân phát sinh và các biện pháp phòng ngừa bệnh nghề nghiệp; quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; tổ chức bộ máy quản lý công tác vệ sinh an toàn lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện, điều hành công tác an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp. Học phần có mối quan hệ với các học phần quản trị nhân lực căn bản, tổ chức và định mức lao động và một số học phần chuyên ngành quản trị nhân lực khác có liên quan. Học phần góp phần thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cử nhân ngành quản trị nhân lực.

Corporate governance/Quản trị công ty (3 TC)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị công ty, giúp sinh viên hiểu được các lý thuyết cơ bản cũng như các mô hình và nguyên tắc, thông lệ phổ biến được sử dụng hiện nay để kiểm soát và điều hành công ty. Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa của của quản trị công ty và khả năng vận dụng các các lý thuyết, mô hình và nguyên tắc, thông lệ quản trị công ty hiện đại vào việc đánh giá và kiện toàn hay xây dựng những chính sách và mô hình quản trị công ty cho doanh nghiệp ở Việt Nam.

Với mục tiêu đó, học phần bao gồm 6 chương như sau: Chương 1 đưa ra kiến thức Tổng quan về quản trị công ty, các khái niệm cơ bản cũng như vai trò và lợi ích của quản trị công ty; Chương 2 tập trung và hệ thống hóa các lý thuyết, qui tắc và mô hình quản trị công ty phổ biến trên thế giới đồng thời giới thiệu về các mô hình quản trị công ty chủ yếu ở Việt Nam; Chương 3 đi sâu vào làm rõ nội dung về cổ đông và các bên có liên quan; Chương 4 trình bày các nội dung về Hội đồng quản trị; Chương 5 là vấn đề công bố thông tin và kiểm soát trong quản trị công ty; Cuối cùng, chương 6 thảo luận về đánh giá hệ thống quản trị công ty theo một số thông lệ quản trị công ty tốt nhất trên thế giới và Việt Nam.

An sinh xã hội (3 TC)

Học phần thuộc khối kiến thức bổ trợ của chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực. Học phần cung cấp những kiến thức bổ trợ chuyên ngành gồm các nội dung chính như: Các khái niệm, nguyên tắc, các hợp phần cơ bản về an sinh xã hội; Lịch sử hình thành an sinh xã hội; Lý thuyết và mô hình an sinh xã hội; Các tiêu chuẩn quốc tế về an sinh xã hội; Hệ thống an sinh xã hội (Bảo hiểm xã hội; Cứu trợ xã hội; Ưu đãi xã hội; Xóa đói giảm nghèo; Quỹ dự phòng; Dịch vụ an sinh xã hội); Quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

Thương mại điện tử căn bản (3 TC)

Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

Quản trị đa văn hóa (3 TC)

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

Quản trị tài chính 1 (3 TC)

Học phần nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị tài chính. Nội dung của học phần Quản trị tài chính 1 bao gồm các chủ đề chính: Tổng quan về quản trị tài chính; Giá trị thời gian của tiền; Phân tích báo cáo tài chính; Quản trị vốn lưu động;

Quản trị đầu tư dài hạn; Quản trị tài trợ; Chi phí sử dụng vốn.

Báo cáo dự án nhóm (3TC)

Giúp sinh viên tiếp cận, phân tích thực tiễn hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp, trực tiếp tham gia vào một số công việc tại bộ phận thực tập để rèn luyện thực tế, tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chủ đề dự án, phát hiện vấn đề đề xuất nội dung viết luận văn tốt nghiệp ở giai đoạn 2 của đợt thực tập và làm tốt nghiệp. Đồng thời giúp sinh viên vận dụng các kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành để sáng tạo giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp thuộc chủ đề dự án.

Luận văn tốt nghiệp (7TC)

Giúp sinh viên tiếp cận, phân tích thực tiễn môi trường quản trị nhân lực, hệ thống quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp, cũng như vận dụng các kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, trách nhiệm đã được trang bị trong kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành quản trị nhân lực để phát hiện và sáng tạo giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn quản trị nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ	Học phần	Số TC
1	Kỳ I	1. Basic IELTS 1	5
		2. Basic IELTS 2	5
		3. Giáo dục thể chất chung	1
		4. Học phần tự chọn kiến thức giáo dục đại cương	2
2	Kỳ II	1. Triết học Mác Lê nin	3
		2. Pháp luật đại cương	2
		3. Tin học quản lý	3
		4. Expanding IELTS 1	4
		5. Expanding IELTS 2	4
		6. Giáo dục quốc phòng – an ninh	8
3	Kỳ III	1. Kinh tế chính trị Mác Lê nin	2
		2. Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
		3. Developing IELTS 1	4
		4. Fundamentals of Management/Quản trị học	3
		5. Giáo dục thể chất	1
		6. Học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành	3
		7. Học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành	3
4	Kỳ IV	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
		2. Developing IELTS 2	4

		3. Economic environment and labour market/Môi trường kinh tế và thị trường việc làm	3
		4. Principles of human resource management/Nguyên lý quản trị nhân lực	3
		5. Luật lao động	2
		6. Quan hệ lao động BCTT	3
		7. Học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành	2
		8. Giáo dục thể chất	1
5	Kỳ V	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
		2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
		3. Human resource economics/Kinh tế nguồn nhân lực	3
		4. Recruitment and Selection human resources/Tuyển dụng nhân lực	3
		5. Hoạch định nguồn nhân lực	3
		6. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	2
6	Kỳ VI	1. Training and development human resources/Đào tạo và phát triển nhân lực	3
		2. Labour compensation/Trả công lao động trong doanh nghiệp	3
		3. Tổ chức và định mức lao động trong doanh nghiệp	3
		4. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	3
		5. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	3
		6. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	2
7	Kỳ VII	1. Internal communication/Truyền thông nội bộ	2
		2. Strategic management and knowledge economics/Quản trị chiến lược và kinh tế tri thức	3
		3. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	3
		4. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	2
		5. Học phần tự chọn khối kiến thức ngành, chuyên ngành	2

		6. Thực tập nghề nghiệp (Intership)	2
8	Kỳ VIII	1. Thực tập và viết Báo cáo dự án nhóm 2. Thực tập và viết Luận văn tốt nghiệp	3 7
	Tổng	**120 TC + (11 TC GDTC+GDQP- AN)**	

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương (mẫu số 4) các học phần trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

PGS,TS Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

PGS,TS Nguyễn Thị Minh Nhàn